

CON NGƯỜI VIỆT NAM - ĐỐI TƯỢNG CỦA GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GS. TƯƠNG LAI

***"Nếu hoàn cảnh ảnh hưởng đến con người
thì phải làm cho hoàn cảnh trở nên hoàn cảnh có tính người".***

Các Mác

Trước khi bàn thảo về con người với tính cách là đối tượng của giáo dục và đào tạo, chắc không thể lẫn tránh một câu hỏi muôn thuở: con người là ai? Đã có không ít cách trả lời. Song cho đến nay, tư duy của loài người vẫn chưa ngừng tìm tòi vì chưa thỏa mãn với bất cứ cách giải đáp nào.

Phải chăng vì thế, đã từng có nhà thơ đưa ra ý tưởng rằng, chỉ cần đặt ra một cách hỏi khác với câu hỏi muôn thuở đó là có thể giải quyết vấn đề. Chỉ cần hỏi ***"ta vì ai"*** thay cho câu hỏi ***"ta là ai"*** sẽ tìm ra câu trả lời. ***"Ngọn gió siêu hình"*** thổi tắt mọi ngọn nến, sẽ biến thành ***"vạn triệu chồi xanh"*** tràn đầy sức sống, khi biết rằng ***"ta vì ai"*** mà sống, khỏi phải đắm chìm trong câu hỏi ***"siêu hình"*** ***"ta là ai"***! Sự huyền hoặc của hình tượng thơ đã làm mờ đi cách lẫn tránh câu trả lời. Câu hỏi vẫn còn nguyên đó. Chuyện ***ta vì ai*** không thể thay thế cho câu trả lời ***ta là ai***. Con người là gì, con người từ đâu đến, và rồi con người sẽ đi đến những chân trời nào? (Vấn đề này sẽ nói thêm trong mục cuối cùng "Thấu hiểu sức mạnh của văn hóa") Tư duy khoa học không thể lẫn tránh khái niệm, càng không được đánh tráo khái niệm. Bởi thế, dù phải hết sức cẩn thận, cũng phải nói đôi điều về khái niệm con người.

Trước tiên, không hề có ***con người*** trừu tượng. Con người bao giờ cũng là ***"con người này"*** theo cách diễn đạt rất hàm súc của Hegel. Còn với C. Mác, con người phải được xem xét trong tính lịch sử cụ thể. Muốn tìm hiểu con người thì phải dõi theo toàn bộ tiến trình phát triển của nó trong lịch sử hình thành và phát triển để thấy được bản ***chất người*** ở những trình độ lịch sử khác nhau.

Từ thời cổ đại, Aristote đưa ra định nghĩa ***"con người là động vật xã hội"***, nhưng phải đến cuối thế kỉ XIX, Ch. Darwin mới chỉ ra được con người

là khâu cuối cùng của chuỗi tiến hóa vật chất. Dựa vào thành tựu khoa học thế kỉ XIX, Ph. Ăngghen đã đưa ra ý tưởng ***"lao động là nguyên nhân chuyển hóa cuối cùng để vượt thành người"***. Với Adam Smith thì ***"lao động là nguồn gốc duy nhất của mọi của cải"***. Dựa vào luận điểm đó, Franklin định nghĩa ***"con người là một thực thể biết chế tạo công cụ"***. Với việc đưa lao động vào trong tìm hiểu bản chất người, triết học đã vận dụng những thành tựu của kinh tế chính trị học để cố gắng trả lời câu hỏi về con người bằng luận điểm tuyệt vời của Hegel ***"con người là thực thể tự sinh thành nên chính mình"***.

C. Mác đã từng cho rằng sự vĩ đại của Hegel là ở chỗ ông đã ***"coi sự tự sản sinh của con người như một quá trình"***. Chỉ rõ ra được như vậy vì Hegel đã biết ***"nắm lấy bản chất của lao động"*** và lí giải con người hiện thực như là ***"kết quả lao động của bản thân con người"***. Để tránh những suy đoán mơ hồ, C. Mác đã lưu ý, khi nói đến lao động thì phải ***"giả định lao động dưới hình thức mà chỉ riêng con người mới có mà thôi"***¹. Đó là việc sử dụng và chế tạo công cụ (tư liệu lao động) mà C. Mác xác định đó chính là ***"thuốc đo sự phát triển sức lao động của con người"***, đồng thời cũng là đặc trưng tiêu biểu cho một thời đại, vì vậy, cũng là đặc trưng cho một ***trình độ tư duy***.

Con người trực tiếp là một thực thể tự nhiên, nhưng bằng hoạt động thực tiễn, con người trở thành chính mình. Là sản phẩm của tự nhiên và xã hội, con người vừa thích ứng với tự nhiên và xã hội, vừa cải tạo chúng (tuy vậy, phải hết sức thận trọng với chuyện "cải tạo" này). Quá trình

1. C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, Tập 23, NXB CTQG, Hà Nội, 1993, tr.266.



con người thích ứng và cải tạo tự nhiên và xã hội cũng là quá trình con người hoàn thiện bản thân mình. **Tự nhiên - xã hội - con người**, đây là thể hoàn chỉnh hợp thành thể giới của con người. Trong thể hoàn chỉnh ấy, con người là trung tâm. Sự thống nhất giữa con người với tự nhiên là nhờ hoạt động thực tiễn của con người, mà hệ quả của nó là con người tìm cách thích ứng và cải tạo tự nhiên. Tự nhiên không còn là trực quan nữa mà là thành tựu lí luận của thực tiễn của con người với tư cách là một **thực thể xã hội**. Lấy **phạm trù thực tiễn** thay cho **phạm trù tha hóa** của Hegel, C. Mác đã xác định nền tảng lí luận để sau này V. Lênin khẳng định *"quan điểm về đời sống, về thực tiễn phải là quan điểm thứ nhất và cơ bản về nhận thức"*.

Quan điểm thực tiễn đã vạch ra phương pháp cách mạng "nếu hoàn cảnh ảnh hưởng đến con người thì phải làm cho hoàn cảnh trở nên hoàn cảnh có tính người". Bởi vì, "con người tạo ra hoàn cảnh đến mức nào thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người đến mức ấy"². Sự phù hợp giữa thay đổi hoàn cảnh với hoạt động của con người cũng tức là với sự tự biến đổi của con người, không gì khác, chính là **thực tiễn cách mạng**. Quá trình làm cho hoàn cảnh trở nên hoàn cảnh có tính người cũng chính là quá trình con người tự hoàn thiện bản thân mình. **Phạm trù người** đánh dấu một cột mốc quyết định trong tiến trình tư duy của con người, của lịch sử người. Thế nhưng, oái oăm thay, con người lại hủy hoại tự nhiên, môi trường sống của chính mình, khiến cho thế giới hôm nay đang phải chịu sự trả thù khốc liệt của tự nhiên mà Việt Nam là một trong 5 vùng trực tiếp chịu hệ lụy sự biến đổi khí hậu với hiểm họa nước biển dâng, bởi vậy phải có đổi lời về **mối quan hệ giữa con người với tự nhiên**.

Theo Aldo Leopold "Một việc là tốt, là thiện, nếu có khuynh hướng bảo tồn sự toàn vẹn, sự vững chắc và vẻ đẹp của cộng đồng sinh thái. Một việc là xấu, là ác, nếu trái lại"! Lévi- Strauss mạnh mẽ hơn khi phê phán triết lí về chủ thể đã biến con người thành chúa tể cai trị một cõi riêng, giam con người trong lãnh địa văn hoá của mình, tách biệt khỏi thiên nhiên vì thiên nhiên bị xem như là "không có văn hoá". Chỉ con người là có văn hoá,

vì vậy con người tách khỏi thiên nhiên. Luận đề đó hình thành song song với quá trình đô thị hoá ở châu Âu, trong đà phát triển văn minh công nghiệp cắt đứt con người thành phố ra khỏi thiên nhiên. Kết quả là, con người huỷ diệt tất cả những gì không phải là nó, bắt đầu là thiên nhiên. Lévi- Strauss nêu lên một triết lí: phải quan niệm con người một cách khác: **đặt người khác trước tôi**. Hơn thế nữa, **trước cả những con người, phải đặt sự sống**". Triết lí về chủ thể nhường chỗ cho triết lí về sự sống. Và thiên nhiên chính là sự sống. Cho nên ông nói: "Cây cối, đó là sự sống, phải tôn trọng sự sống".

Có một điều lí thú tưởng cũng nên nói ra ở đây: nếu phương Tây phải tốn hai mươi thế kỉ để bắt đầu nhìn thấy những vấn đề ấy, thì ở phương Đông, tập trung nhất là triết lí Phật, vấn đề ấy đã được đặt ra từ rất lâu trong mệnh đề: *"hết thầy chúng sinh đều có Phật tính"*. Khái niệm *"chúng sinh"* trong đạo Phật rất rộng, con người cũng chỉ là một chúng sinh. Kinh Phật dạy rằng: *"Cây cỏ, đất đá, đồi núi, tất cả yếu tố của vũ trụ đều có Phật tính"*. Cho nên, **tương thân, tương ái, tương kính với thiên nhiên** là quan điểm xuyên suốt trong triết lí Phật giáo. Văn hóa dân gian Việt Nam biểu đạt triết lí ấy rất dung dị nhưng thật là hàm súc: **"Người ta là hoa của đất"**. Câu tục ngữ mộc mạc ấy đã diễn đạt rất sống động triết lí nói trên và thú vị hơn nữa, cũng thấu tóm thật tuyệt vời một mệnh đề triết lí của C. Mác: *"...sinh hoạt vật chất và tinh thần của con người quan hệ khăng khít với tự nhiên, điều đó chẳng qua chỉ có ý nghĩa là tự nhiên liên hệ khăng khít với bản thân tự nhiên, vì con người là một bộ phận của tự nhiên"*³. Gợi lên vấn đề này để nghiêm cẩn soát xét lại nội dung của giáo dục và đào tạo phải trở lại với tính nhân văn trong truyền thống văn hóa của dân tộc trong quá trình tiếp nhận thành tựu của văn hóa, văn minh nhân loại, đặc biệt là cách mạng khoa học và công nghệ.

Những thành tựu kì diệu của cuộc **cách mạng khoa học và công nghệ** đã ghi nhận những cột mốc quan trọng trên hành trình con người tìm đường giải phóng cho mình. Đặc biệt là trong hơn ba thập kỉ cuối thế kỉ XX bước sang thế kỉ XXI, những tri thức mà loài người có được đã

2. C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, Tập 3, NXB CTQG, Hà Nội, 1995, tr.55.

3. C. Mác, "Bản thảo kinh tế triết học năm 1844", NXBST Hà Nội, 1992, tr.92.



nhiều hơn toàn bộ những tri thức tích lũy trong lịch sử của hơn bốn triệu năm từ khi có con người trên trái đất. Những thành tựu ấy đã khiến cho khoa học và công nghệ không những trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp mà còn thâm nhập vào mọi dạng hoạt động của con người, trở thành sức mạnh bên trong của mọi nhân tố tiến bộ, nhân lên gấp bội khả năng tiềm ẩn của con người.

Mặc dầu những thành quả của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ được phân phối rất bất công và loài người mới vận dụng được chỉ một phần không lớn thành quả đó, song theo Nobeit Wiener, vốn được xem là cha đẻ của ngành điều khiển học thì: **"chúng ta đang làm biến đổi môi trường của ta đến tận gốc rễ đến mức rồi ta phải biến đổi chính mình mới tồn tại được trong môi trường đó"**. Môi trường đó chứa đầy những yếu tố biến động, không ổn định và không tiên đoán được. Con người phải thường xuyên đánh giá và kiểm định lại tri thức cũ, giải pháp cũ để có những tri thức mới, giải pháp mới cho tình hình đã thay đổi. Chính vì thế, người ta gọi thế kỉ XXI là thế kỉ của sự khai thác những tiềm năng cực lớn của bộ não đang mở ra một chân trời mới cho con người trên con đường tự giải phóng mình.

Trên hành trình tự giải phóng nhằm thực hiện khát vọng tự do để làm sao **"sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người"**⁴ mà C.Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra, thì những cái mà con người giành được tuy vô cùng to lớn song vẫn còn cách quá xa khát vọng của họ. Chính vì thế, đã nảy sinh ra không ít những nôn nóng muốn **"đốt cháy giai đoạn"** nhằm đẩy nhanh hơn các bước đi đến mục tiêu. Và hệ lụy của sự nôn nóng duy ý chí mang nặng tính chất không tưởng ấy là cái giá đắt phải trả của biết bao tâm huyết và không thiếu những hi sinh lớn lao.

Bi kịch càng trầm thía hơn khi với những trái tim càng đập mãnh liệt, cái đầu càng lớn những suy tư, thì cái giá loài người phải trả cho những nôn nóng chủ quan ấy lại càng lớn. Đó chính là

khúc bi tráng của con người trên hành trình tìm đường giải phóng cho chính mình. Hành trình ấy từng vang dội những **"hùng ca"** song cũng đầy rẫy những **"ai ca"**. Nhưng đó lại chính là sự tiến hóa của lịch sử. Và đó cũng là **biện chứng của lịch sử**. Trong quá trình tiến hóa ấy, những giá trị do con người tạo ra sẽ được bảo tồn và phát triển. Đó là **văn hóa**.

Văn hóa là ngọn lửa thiêng chiếu sáng hành trình của con người đi tìm chân trời mới trong sự phát triển vô cùng tận của lịch sử người. Đó cũng chính là **quá trình tự phát triển của con người**. Đây là điểm tựa hết sức quan trọng để giáo dục và đào tạo hiểu rõ về đối tượng của mình để hướng tới **con người với tính cách vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển**.

1. "Con người tạo ra hoàn cảnh đến mức nào thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người đến mức ấy"

Sẽ là quá bạo gan và thiếu tính thuyết phục khi đưa ra một nhận định khái quát về con người Việt Nam hôm nay. Tốt đẹp ư? Nhiều lắm. Xấu xí ư? Cũng quá nhiều! Tốt xấu xen nhau? Thì bao giờ chẳng thế. Làm gì có con người toàn bích.

Chính vì vậy, phải thật khách quan khi nhìn nhận về con người nói chung và con người Việt Nam hiện nay, để do đó mà nghiêm cần và trung thực phân tích những cái **được**, và nhất là những cái **chưa được** của việc **giáo dục và đào tạo con người**, đương nhiên trước hết là thành tựu và hạn chế của hệ thống giáo dục và đào tạo.

Không thiếu những con người tuyệt vời, những tấm gương tiêu biểu mà gần đây nhất, thiên tài toán học Ngô Bảo Châu cùng với những người cùng trang lứa của anh đã và đang gặt hái những thành tựu khoa học góp phần mình vào sự nghiệp phát triển đất nước. Không thiếu những tấm gương xả thân cứu người trong bão lũ tàn phá nhiều vùng rộng lớn của Tổ quốc. Không thiếu những nhân cách biết vượt lên hoàn cảnh, âm thầm và can đảm trong học tập, nghiên cứu để trở thành những thủ khoa, những học sinh, sinh viên xuất sắc, những đốm lửa sáng giúp thổi bùng lên ngọn lửa khát vọng vươn tới của tuổi trẻ. Không thiếu những bản lĩnh dám tự khẳng định mình trong suy nghĩ, tìm tòi, bứt phá để cho cái mới đang sinh thành được củng cố và phát

4. C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, Tập 4, NXBCTQG, Hà Nội, 1995, tr.628



triển bất chấp những lực cản của cái cũ, “đang suy tàn nhưng được tập quán thần thánh hóa” như Ph.Ăngghen đã từng chỉ ra. Những hiện tượng ấy là sự chứng minh sống động cho **sức sống của dân tộc** trong sự **vận động tự thân** của nó không gì cản nổi, là **điểm tựa vững chãi và cơ sở khoa học nhất** (nếu chưa muốn nói là duy nhất vào lúc này).

Và sẽ không có gì khó hiểu, bên cạnh những nét đẹp tuyệt vời và xứng đáng được trân trọng ấy, có không ít những cái xấu, những giá trị bị đảo lộn, bị băng hoại trong gương mặt của con người, đối tượng trực tiếp và cũng là sản phẩm trực tiếp của giáo dục và đào tạo. Cần thiết hơn vào lúc này là tập trung suy nghĩ, phân tích một cách khách quan, thẳng thắn, không kiêng dè né tránh theo phương châm “thuốc đắng dã tật”.

Chính bàn tay chúng ta xây đắp nên những thành tựu tuyệt vời, đỉnh cao chói lọi trong lịch sử đất nước: hoàn thành trọn vẹn sự nghiệp giải phóng dân tộc, non sông quy về một mối để tạo điều kiện cho việc từng bước thực hiện **khát vọng tự do, dân chủ** nhằm đem lại **hạnh phúc** cho con người.

Tuy nhiên, đâu đó còn xuất hiện những hành vi ứng xử lệch khỏi những chuẩn mực đã được định hình trong xã hội. Đặc biệt là, khi trong đời sống tinh thần của xã hội không còn chịu sự phê phán kịp thời của dư luận thì vào lúc ấy, cái thiện dễ bị lép vế trước cái ác, người ngay sợ kẻ gian, hệ thống giá trị bị đảo lộn. Sự suy thoái đạo lí xã hội cần được truy tìm một cách công khai đã tạo ra sự đảo lộn trong hệ thống giá trị ấy.

2. “Nếu hoàn cảnh ảnh hưởng đến con người thì...”

“Hoàn cảnh”, nói chính xác hơn, là “môi trường xã hội” tác động tới trạng thái tinh thần của con người, đồng thời cũng góp phần tác động vào những người xung quanh, về mối quan hệ giữa người và người. Cho nên, xét đến cùng, những hành vi bạo lực, cho dù là bạo lực gia đình, bạo lực học đường, bạo lực sân cỏ, bạo lực đường phố... thì nguyên nhân vẫn phải truy tìm về xã hội, nói cụ thể hơn, tìm về **môi trường xã hội**.

E. Durkheim, một trong những người sáng lập ra ngành xã hội học, trong một công trình nghiên cứu có tính “kinh điển” về hiện tượng tự

tử, đã nhấn mạnh rằng: *“ngay trong hành động đơn độc và cá nhân nhất này có “cái gì đó” ở ngoài ý thức cá nhân, “cái gì đó” chính là xã hội với tư cách không chỉ là một chứng nhân, mà còn là người điều khiển tấn bi kịch này”*. Vì thế, theo Durkheim, phải nhìn những hành động mang tính cá nhân nói trên như các **“hiện tượng xã hội”** mà nguyên nhân của nó phải truy tìm về trong **môi trường xã hội** mà cá nhân đó chịu tác động. Từ sự phân tích xã hội học về hành vi tự tử mà nguyên nhân trực tiếp là do các cá nhân thực hiện hành vi ấy đã **tách rời khỏi các giá trị xã hội và không còn mong đợi gì ở sự chia sẻ bởi những người quanh mình** nữa mà Durkheim đúc kết thành một công thức: *“hành vi tự tử tỉ lệ nghịch với mức độ gắn bó giữa cá nhân với cộng đồng”* (ở đây, cộng đồng trước tiên là gia đình, tiếp đến là nhà trường và các nhóm xã hội cùng trang lứa, cùng nghề nghiệp...) **“sự gắn bó thấp sẽ có tỉ lệ tự tử cao, và ngược lại”**.

Xã hội là sản phẩm của sự tác động qua lại giữa người và người. Khi mối quan hệ giữa người với người được thực hiện bằng bạo lực thì vào lúc ấy, *tính người đã bị đánh mất*, thay vào đó là ứng xử của loài thú cào cấu, cắn xé lẫn nhau để khẳng định sự tồn tại của mình! Sử dụng bạo lực trong mối *quan hệ giữa người và người* trong xã hội, trừ những trường hợp phải trấn áp và trừng trị kịp thời những kẻ đang thực hiện hành vi thú tính gây tổn thương cho người lương thiện, tức là đã tự hạ thấp hoặc đánh mất nhân cách của chính mình, làm tổn thương đến cộng đồng. Bạo lực, xét đến cùng, đó là cách dùng luật rừng thay cho luật pháp. Ở đây là điển hình của **những hiện tượng “phản văn hóa”**.

Có nhiều nguyên nhân đưa đến những ứng xử vừa dẫn ra, trong đó trước hết là **vai trò của pháp luật và tinh thần thượng tôn pháp luật** vốn được xem là một chỉ báo của xã hội văn minh, thì còn quá nhiều bất cập, tác động mạnh đến đời sống và tâm lí xã hội.

Ba mươi sáu thế kỉ trước đây, Hammourabi, người sáng lập Babylone từng nói rõ: **“công lí xuất hiện là để ngăn chặn kẻ mạnh làm hại kẻ yếu”**. Nhà tư tưởng cổ đại phương Đông là Hàn Phi thì khẳng định rằng: **“pháp luật không hùa theo kẻ sang. Sợ dây dọi không uốn mình theo cây gỗ cong!”**.

Vả chăng, nội dung của dân chủ, công bằng trong một xã hội văn minh không thể là ân huệ được ban phát từ trên xuống mà phải là quyền của con người, quyền của mỗi công dân. Quyền ấy không tự nhiên có được mà phải đấu tranh để giành lấy. Pháp luật chính là điểm tựa vững chãi nhất để mỗi một con người sống trong xã hội thực hiện quyền của mình. Tuy nhiên, chất lượng của pháp luật, của cơ quan pháp luật, và ý thức của người dân thực thi pháp luật hiện còn là một vấn đề lớn.

3. "Phải làm cho hoàn cảnh trở nên hoàn cảnh có tính người"

Xin nêu một câu chuyện trong "Thế giới phẳng", một cuốn sách bán chạy nhất của người đã đoạt giải thưởng Pulitzer, và theo nhận xét của J. E. Stiglitz, người đoạt giải Nobel kinh tế: "Đặc điểm của một cuốn sách hay là nó khiến bạn nhìn nhận mọi thứ theo một nhãn quan mới, và xét theo tiêu chí này thì Friedman đã thật sự thành công". Chuyện rằng:

"Một người bạn Hồi giáo vùng Nam Á của tôi đã có lần kể cho tôi nghe câu chuyện như sau: Gia đình Hồi giáo Ấn Độ của anh ta bị chia li vào năm 1948, một nửa sang Pakistan và một nửa ở lại Mumbai. Khi lớn lên, anh ta hỏi cha mình tại sao một nửa gia đình ở Ấn Độ lại có vẻ làm ăn tốt hơn nửa gia đình ở Pakistan. Cha anh nói: "Con ạ, khi một người Hồi giáo lớn lên ở Ấn Độ và trông thấy một người sống trong một tòa biệt thự lớn trên quả đồi, anh ta sẽ nói "Bố ơi, rồi sẽ có ngày con sẽ như ông ta". Còn khi một người Hồi giáo lớn lên ở Pakistan và thấy một người sống trong một biệt thự lớn trên quả đồi, anh ta sẽ nói "Bố ơi, rồi có ngày con sẽ giết ông ta."... Khi bạn không tìm được lối ra, bạn thường tập trung vào sự phẫn nộ và găm nhấm kí ức của mình". Kể câu chuyện này, Thomas L. Friedman nhằm minh họa cho luận điểm "cho con người một môi trường mà trong đó mọi lời than phiền hay ý tưởng đều có thể được đăng tải trên báo chí, cho họ một môi trường mà trong đó mỗi người đều có thể ứng cử vào một chức vụ- và thử đoán xem điều gì sẽ đến? Họ thường không muốn làm nổ tung thế giới này. Họ muốn trở thành một phần của thế giới"⁵.

5. Thomas L. Friedman, *Thế giới phẳng*, NXB Trẻ, 2006, tr. 798.

Đương nhiên, môi trường như vậy không tự trên trời rơi xuống mà chúng ta cần phải hướng tới xây dựng một môi trường như vậy.

Bởi vậy, cần tập trung **xây đắp nền tảng nhân văn** trong định hình nhân cách cho thế hệ trẻ. Giáo dục lí tưởng đương nhiên là cần thiết, và lại càng phải thấy cho rõ phạm trù lí tưởng gắn liền với mục đích và ý nghĩa của cuộc sống con người. Tùy thuộc vào sự nhận thức về mục đích và ý nghĩa cuộc sống của từng người, từng nhóm xã hội mà có sự định hình lí tưởng và trong mỗi giai đoạn lịch sử có những đòi hỏi mang tính đặc thù. Bởi lẽ, như Các Mác đã giải thích rất đúng: "mỗi thời kì lịch sử đều có những quy luật riêng của nó... Một khi cuộc sống đã vượt qua một thời kì phát triển nhất định, đã từ giai đoạn này bước sang giai đoạn khác, thì nó cũng bắt đầu bị những quy luật khác chi phối"⁶.

Chính vì thế, lí tưởng phải được hình thành, củng cố và phát huy sức mạnh của nó trên **nền tảng của chủ nghĩa nhân văn**. Thiếu cái nền tảng đó, lí tưởng sẽ thiếu mất tính bền vững và chiều sâu nhân bản. Nếu chỉ quá chuyên chú vào giáo dục lí tưởng, người ta có thể "vô tình" bỏ qua những phẩm chất "người" trong quan hệ giữa người với người từ trong gia đình, cộng đồng xã hội nhỏ nhất, đến nhà trường, một cộng đồng lớn hơn của tuổi trẻ, và hàng xóm láng giềng "tối lửa tắt đèn có nhau" cho đến cộng đồng lớn là xã hội. Nếu thiếu **một nền tảng nhân văn vững chắc** được hun đúc từ tấm bé, lí trí cũng như tình cảm của con người dễ bị chao đảo, định hướng của hành vi, do vậy, cũng bị nhiễu loạn, xáo trộn.

Sự suy thoái đạo lí xã hội cần tìm nguyên nhân từ sự chao đảo, xáo trộn này. Nhà văn hóa Nguyễn Khắc Viện đã có một khuyến cáo thật đáng suy ngẫm khi bàn về giáo dục và đào tạo con người: "Để cho trẻ sống hoàn toàn đầy đủ thời thơ ấu của nó, sau lớn lên nó sẽ sống đời người lớn một cách hoàn toàn đầy đủ". "Sống hoàn toàn đầy đủ thời thơ ấu" trên nền tảng của chủ nghĩa nhân văn. Đó sẽ là đảm bảo cho việc "sống đời người lớn một cách hoàn toàn đầy đủ". Chủ nghĩa nhân văn ấy đang được làm phong phú thêm trong bối cảnh của nền văn minh mới, nền văn minh trí tuệ và

6. C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, NXBCTQG, Tập 23, 1993, tr. 34



nền kinh tế tri thức của thế kỉ XXI. Trong nền văn minh đó, *"sự thay đổi vĩ đại nhất sẽ là sự thay đổi về tri thức-về hình thức và nội dung, về ý nghĩa của tri thức, về trách nhiệm của tri thức và về những đặc điểm của con người có giáo dục"*.

4. Hiểu thấu sức mạnh của văn hóa

Để có được *"con người có giáo dục"* với những đặc điểm mang tính thời đại ấy, nhiệm vụ của hệ thống giáo dục và đào tạo sẽ càng nặng nề thêm. Trong bài viết đăng trên tạp chí Tia sáng *"Để có lớp trí thức xứng đáng"*, giáo sư Hoàng Tụy đã thẳng thắn chỉ ra những bất cập của một bộ phận không nhỏ những trí thức được đào tạo trong thời gian qua, do *"...thiếu căn bản về văn hóa phổ quát. Tư duy của họ chỉ phát triển theo một đường ray mà hễ ai trật ra là nguy hiểm. Cho nên trừ những người ý thức được điều đó, còn số khá đông thường chỉ là những chuyên viên kĩ thuật được trang bị một số vốn kiến thức kĩ thuật, chuyên môn hẹp nào đó, ở thời đó, và cũng rất mau lạc hậu, nhưng thiếu một nhãn quan rộng, thiếu một tầm nhìn ra ngoài ngành nghề hẹp của mình, cho nên bị hạn chế ngay trong việc phát triển chuyên môn, và càng bị hạn chế đứng trước những vấn đề xã hội, văn hóa không thuộc phạm vi chuyên môn hẹp của mình."*

Hầu như mỗi người chỉ biết việc của mình, chỉ lo cho mình, ít khả năng và cũng không thích thú hợp tác với bạn bè đồng nghiệp. Để bị lâm vào thế ếch ngồi đáy giếng, dễ mắc bệnh vĩ cuồng, không hòa nhập vào dòng chảy văn minh của thời đại, không chấp nhận luật chơi quốc tế, rồi ngày càng tụt hậu mà vẫn tự ru ngủ mình với những thành tích không có thật. Chạy theo danh hã, chạy theo quyền lực, chạy theo chức tước, là căn bệnh thời đại".

Chỉ ra căn bệnh của một bộ phận trí thức đang thực hiện sứ mệnh giáo dục và đào tạo, nói rộng hơn, sứ mệnh trau dồi văn hóa, chuyển tải văn hóa cho thế hệ trẻ, cũng là để gióng lên tiếng chuông cảnh báo đối với những ai đang gánh trên vai mình sứ mệnh nặng nề đối với đất nước. Cần hiểu rằng, giáo dục và đào tạo, đặc biệt là ở bậc đại học, nói như bà Drew G. Faust, Hiệu trưởng Đại học Harvard trong diễn từ nhậm chức ngày

12.10.2007 *"cái học ở đại học là "cái học đức khôn cho cả đời người, cái học chuyển đạt gia tài của ngàn năm trước, cái học tạo ra vóc dáng cho tương lai"*. Cam kết của đại học là vô thời hạn, thành tựu không tiên đoán được, không đo lường được, nỗ lực làm việc không phải để tăng sức cạnh tranh mà là để *"định nghĩa cái gì đã làm chúng ta là người qua bao nhiêu thế kỉ"*, cái gì giúp ta *"hiểu ta là ai, từ đâu đến, đi về đâu và tại sao"*. Đi tìm ý nghĩa như vậy là một hành trình bất tận, luôn luôn đặt lại vấn đề, luôn luôn gặp giải thích mới, không bao giờ bằng lòng với những khám phá đã có, câu trả lời này chỉ gợi lên câu hỏi tiếp theo. Đó là học. Học như vậy trong mọi ngành, *"trong khoa học tự nhiên cũng như trong khoa học xã hội, nhân văn, và đó là cốt lõi đại học nhắm đến"*. Đối với tương lai, giáo dục, nghiên cứu, giảng dạy luôn luôn nhắm vào thay đổi, *"biến đổi cá nhân khi họ học, biến đổi thế giới khi khám phá của ta thay đổi cái biết của ta về nó, biến đổi xã hội khi hiểu biết của ta được dịch thành chính sách ... Phát triển hiểu biết tức là thay đổi"*⁸.

Văn hoá phải đi trước một bước thì mới tạo ra được nền tảng tinh thần của xã hội. Cùng với sự thiếu hụt một văn hóa phổ quát, sự đứt gãy của văn hóa truyền thống đang tác động mạnh đến đời sống tinh thần của **thế hệ trẻ**. Đó là chất xúc tác làm cho một bộ phận đáng kể thanh thiếu niên đứng trước nguy cơ xuống cấp về đạo đức, xa rời các giá trị truyền thống của dân tộc. Nói đến tuổi trẻ là nói đến hoài bão, nói đến ước mơ và hành động, thế mà có một bộ phận không nhỏ những người trẻ tuổi, trong đó có những sinh viên, đang là lực lượng chủ lực sẽ bổ sung vào đội ngũ trí thức, lại thiếu những năng lực cần thiết để đương đầu với những biến động đầy phức tạp của xã hội hiện đại khi thiếu khả năng phê phán, yếu năng lực tư duy sáng tạo để tìm ra con đường giải quyết các vấn đề của cuộc sống.

Vực dậy một nền văn hóa khó gấp bội phần vực dậy một nền kinh tế. Đừng quên rằng, văn hóa không phải là mì ăn liền, văn hóa được hình thành theo **quy luật thẩm thấu**. Việc ăn tươi nuốt sống những sản phẩm văn hóa không tương thích với

8. Dẫn lại theo Cao Huy Thuần.

7. Peter F. Drucker, *Post-Capitalist society*, Harper Business, 1993

(Xem tiếp trang 8)